

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 366/2017/HSST

Ngày: 22/9/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Thẩm phán: Ông Phan Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng.

2. Ông Trần Huỳnh

3. Ông Nguyễn Thành Châu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng là cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 390/2017/HSST ngày 19/7/2017, đối
với các bị cáo:

1. Lê Quốc B (tên gọi khác: B Nhóc, B Thái Tử); giới tính Nam; sinh
năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT: 256/23/01 (số mới
958/55) L, Phường X, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở:
không có nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa 4/12; Quốc
tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Lê Văn Sang và bà
Phạm Thị Ánh Tuyết; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không;

- Tiền án: Ngày 19/4/2012, bị Công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ
Chí Minh bắt tạm giam về các tội “Giao cấu với trẻ em” và “Trộm cắp tài
sản”. Ngày 20/8/2012, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí
Minh xét xử tuyên phạt 04 năm 6 tháng tù về 02 tội nêu trên tại bản án số
216/2012/HSST. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2012. Đến ngày 19/12/2015,
chấp hành xong hình phạt tù.

- Nhân thân: Ngày 07/12/2006, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí
Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” (bản án số 1636/2006/HSST).
Ngày 29/11/2009, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 09/6/2016, có hành vi

cùng đồng bọn “Trộm cắp tài sản” tại nhà không số tổ 7, ấp R, xã V, huyện Bình Chánh. Ngày 09/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 72/2017/HSST.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2016 (có mặt)

2. Lê Hoàng Thế A; giới tính: Nam; sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT và chỗ ở: 958/6 L, Phường X, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông Lê Công Dũng (chết) và bà Nguyễn Thị Hằng Hoa; Vợ, con: chưa có;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Ngày 21/9/2010, bị Tòa án quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 215/2010/HSST; Ngày 30/8/2011, chấp hành xong bản án. Tháng 12/2013 đến tháng 12/2015, bị đưa đi cai nghiện ma túy tại Trường 1, tỉnh Đắk Nông.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2016 (có mặt).

3. Nguyễn Văn Nhất T (tên gọi khác: T Bi, S); giới tính: Nam; sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT: 19 T, phường N, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 12/9 Đ, phường N, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn Nhất (chết) và bà Vũ Thị Cúc (chết); Vợ: Võ Thị Đẹp; Con: có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Ngày 17/8/2000, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “”. Ngày 30/4/2001, chấp hành xong bản án

- Bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2016 (có mặt).

4. Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng); giới tính Nam; sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; ĐKNKTT: 55/10 P (số cũ 24/22 Bành Văn Trân), Phường Y, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; con ông Đặng Nguyên (chết) và bà Nguyễn Thị Lầy; Vợ, con: chưa có;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Ngày 02/4/1998, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 39 tháng tù về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày 08/10/1997 (tại bản án số 86/HSST); Ngày 08/4/2000, chấp hành xong bản án. Ngày 16/01/2002, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày

05/9/2001 (tại bản án số 30/HSST); Ngày 05/01/2004, chấp hành xong bản án. Ngày 25/7/2005, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2005 (tại bản án số 110/2005/HSST); Ngày 02/4/2008, chấp hành xong bản án. Ngày 07/9/2010, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2009 (tại bản án số 202/2010/HSST); Ngày 28/01/2013, chấp hành xong bản án. Ngày 06/11/2013, bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trường số 1- Đắk Nông và Trung tâm cai nghiện Bồ Lá; Đến ngày 06/11/2015, tái hòa nhập cộng đồng.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2016

Những người tham gia tố tụng khác:

+ *Người bị hại:*

1. Ông Văn Anh Hoàng N, sinh năm 1975; Trú tại: 781/13/14 L, Phường Z, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Q, sinh năm 1989; ĐKNKTT: 126 tổ 5, ấp 4, R, Cần Đức, tỉnh Long An; Chỗ ở: 1600/83 K, Phường U, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Anh Phạm Hiệp H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

4. Bà Phạm Thị Thúy C (vắng mặt).

Cùng ĐKNKTT: A, phường G, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: 9/10 Kênh 19/5, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Đặng Thị Â, sinh năm 1964; Trú tại: 25/18/11/14 M, phường I, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

6. Bà Bùi Thị Kim K, sinh năm 1960; Trú tại: Phòng C7, số 118/33 H, phường B, Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Xuân X, sinh năm 1953; Trú tại: 263/14A Q, phường C, Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Hằng O, sinh năm 1970; Trú tại: 958/6 L, Phường X, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Anh Lê Quốc Q, sinh năm 1987; ĐKNKTT: 256/23/01 (số mới 958/55) L, Phường X, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 373/152/421 F, Phường X, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ *Người bào chữa:*

2. Luật sư Nguyễn Văn Tài – Luật sư văn phòng Luật sư Quốc Anh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn Nhất Tâm và Đặng Ngọc Vũ (có mặt).

Các bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 10/6/2016, Lê Quốc B điều khiển xe mô tô Honda AirBlade biển số 51L6-4850 chở Hồ Thị Thu Ng (là người sống chung với B như vợ chồng) đi chơi và ăn tối. Lúc đi vào hẻm 781 L, Phường Z, Quận Tân Bình, B phát hiện nhà số 781/13/14 L khóa cửa ngoài, chủ nhà đi vắng nên B dừng lại quan sát và nảy sinh ý trộm cắp tài sản. Sau đó, B chở Ng về nhà rồi điện thoại cho Lê Hoàng Thế A báo có điểm để trộm cắp tài sản và rủ Thế A cùng thực hiện. Thế A đề nghị rủ thêm Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V cùng tham gia. B đồng ý và hẹn gặp nhau tại tiệm game bắn cá tại số 665 Â, phường D, quận Tân Phú. Một lúc sau, Thế A chở T cùng với V chạy xe một mình đến điểm hẹn đón B cùng đi trộm cắp tài sản.

Lúc 22h37' cùng ngày, Thê A điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 59P2-314.49 chở T cùng Đặng Ngọc V điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) chở B đến địa chỉ 781/13/14 L, Phường Z, quận Tân Bình để trộm cắp tài sản. Đến nơi, V và Thê A đậu xe mô tô bên ngoài để cảnh giới, còn B và T đi bộ đến trước cổng nhà số 781/13/14. Sau đó, B dùng đoản và dụng cụ mở khóa mang theo, mở khóa cửa cổng rồi cùng T đi vào trong nhà lục tìm tài sản. B đi lên lầu 01 phát hiện có 01 két sắt hiệu Daysafe màu xám, kích thước khoảng 50cm x 50cm x 50cm để bên cạnh tủ quần áo. B gọi T đi lên lầu 01 lấy tấm vải màu xanh phủ lên két sắt rồi cùng T khiêng két sắt xuống dưới nhà và đưa ra ngoài để lên xe mô tô của Thê A đang chờ sẵn. Thê A điều khiển xe mô tô biển số 59P2-314.49 chở két sắt, T ngồi sau xe giữ két sắt, còn V chở B cùng nhau chạy về nhà của T tại số 12/9 Đ, phường N, quận Tân Phú. Tại đây, Thê A, V, T và B cùng nhau dùng xà beng bằng sắt dài khoảng 60cm thay nhau đục, mở cửa két sắt, thấy bên trong két sắt có: 96 lượng vàng SJC (95 lượng vàng SJC loại 01 lượng/01 miếng, 01 miếng vàng 05 chỉ, 02 miếng vàng 02 chỉ và 01 miếng vàng 01 chỉ), 20.000.000 đồng (loại tiền mệnh giá 500.000 đồng), khoảng 1.000.000 đồng (loại tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng), 08 tờ 02 USD, một số vàng nữ trang và một số giấy tờ.

V và T bỏ toàn bộ tài sản lấy được vào một cái túi ni-long rồi cùng nhau đi đến thuê phòng 304 khách sạn E – số 35/5 Ô, Phường K, Quận 10 để chia tài sản. Thế A và B chờ kết sắt đến ném bỏ tại khu vực nghĩa trang Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân rồi quay về khách sạn E (bút lục 458).

Tại khách sạn, Thế A, B, T và V cùng kiểm đếm tài sản trộm cắp được và thỏa thuận chia đều cho 04 người như sau: Thế A được chia 24 lượng vàng SJC, 5.250.000 đồng và 02 tờ 02 USD; B được chia 24 lượng vàng SJC và 1 miếng vàng 2 chỉ, 5.250.000 đồng và 02 tờ 02 USD; T được chia 24 lượng vàng SJC, 5.250.000 đồng và 02 tờ 02 USD nhưng do nhầm lẫn nên thực tế T chỉ lấy 23,6 lượng vàng SJC (do có 04 chỉ vàng bị chia nhầm cho B 02 chỉ và 02 chỉ còn lại lẫn vào số vàng nữ trang); V được chia 24 lượng vàng SJC, 5.250.000 đồng và 02 tờ 02 USD.

Số vàng nữ trang giao cho V giữ để bán lấy tiền chia nhau sau. Ngày 11/6/2016, B và V bán số vàng nữ trang cho một người chưa rõ lai lịch tại Quận 8 được 6.000.000 đồng, chia đều cho V, T và B mỗi người 02 triệu đồng, còn Thế A không được chia. Riêng số giấy tờ B đã vứt bỏ nhưng không nhớ vứt ở đâu.

Vào khoảng 24h00 phút ngày 11/6/2016, anh Văn Anh Hoàng N (chủ nhà số 781/13/14 L, phường Z, quận Tân Bình) đi về đến nhà phát hiện bị trộm đột nhập nên kiểm tra camera nhà đối diện (nhà số 781/13/5 L) ghi nhận lại hình ảnh các đối tượng đột nhập vào nhà anh N lấy trộm kết sắt. Đến 00 giờ 35 phút ngày 11/6/2017, anh N đến Công an phường Z, Quận Tân Bình trình báo sự việc.

Qua truy xét, ngày 12 và 21/6/2016, ngày 01 và 07/10/2016, Thế A, B, T và V lần lượt bị bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra các bị can khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, B khai nhận ngoài thực hiện vụ trộm cắp nêu trên, trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 6/2016, B còn thực hiện 5 vụ trộm cắp tài sản khác tại địa bàn các phường B, C và I của quận Tân Phú, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng ngày 18/4/2016, B đi bộ ngang qua dãy phòng trọ địa chỉ 86/32 J, phường I, quận Tân Phú thì phát hiện phòng trọ số 2 của chị Nguyễn Thị Cẩm Q khóa cửa ngoài nên B dùng mỏ lết mang theo bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào trong nhà lấy được một laptop hiệu Dell Vostro 3400-DV4-021. B mang laptop đến chợ Tân Thành, Quận 5 bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch) được số tiền 1.500.000 đồng, rồi tiêu xài hết. Ngày 21/6/2016, chị Q đến Công an phường I tường trình sự việc.

Vụ thứ 2: Vào trưa ngày 25/4/2016, B điều khiển xe máy Wave màu đen (không rõ biển số) chạy trong khu vực phường B, Quận Tân Phú phát hiện phòng trọ số 7 nhà 1/8B D, phường B, Tân Phú của ông Phạm Hiệp H khóa cửa ngoài. Bào dừng xe lại và lấy mỏ-lết mang theo bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào trong nhà lấy được 01 tivi màn hình phẳng hiệu Samsung Led

32inch. Sau đó, mang bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch) thu mua đồ cũ tại trước nhà số 780 A, Phường 14, quận Tân Bình được 2.000.000 đồng và tiêu xài hết. Khoảng 13 giờ cùng ngày, ông H về đến phòng trọ phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an phường trình báo vụ việc.

Vụ thứ 3: Khoảng 14h00' ngày 29/5/2016, do không có tiền tiêu xài nên B đi bộ tìm nhà có tài sản sơ hở để trộm cắp. B phát hiện nhà số 25/18/11/14 M, phường I, quận Tân Phú của bà Đặng Thị A khóa cửa ngoài nên dùng mỏ-lết mang theo bẻ khoen cửa, đột nhập vào trong nhà dùng đoạn bẻ ổ khóa công tắc của chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 59D1-564.37. Sau đó, B chạy xe mô tô này đến chợ Ông Địa, Phường X, quận Tân Bình lấy biển số 51L6-4850 cất giấu sẵn tại đây thay thế cho biển số 59D1-564.37 để sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngoài ra, B còn lấy được 8.000.000 đồng trong “cốp” xe máy. Đến khoảng 15h00' cùng ngày, bà A về đến nhà phát hiện bị mất trộm đã đến Công an phường trình báo vụ việc.

Vụ thứ 4: Vào một ngày của tháng 5/2016, B đi bộ tại khu vực phường B, quận Tân Phú, tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. B phát hiện phòng trọ C7 nhà số 118/33 H, phường B, quận Tân Phú của bà Bùi Thị Kim K khóa cửa ngoài nên dùng mỏ lết bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào trong nhà lục tìm tài sản lấy được số tiền 500.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng) trong tủ quần áo. Do tài sản bị mất có giá trị không lớn nên bà K không trình báo. Ngày 21/6/2016, bà K đến Công an phường B, quận Tân Phú tường trình sự việc.

Vụ thứ 5: Khoảng 11h00' ngày 16/6/2016, B đi bộ tại khu vực phường C, quận Tân Phú, phát hiện nhà số 263/14A Q, phường C, Tân Phú của bà Nguyễn Thị Xuân X khóa cửa ngoài, nên dùng mỏ lết bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào trong nhà lấy được một xe mô tô hiệu Honda SDH125T màu đen, biển số 54P2-2714. Sau đó, B chạy xe này đến chợ Tân Thành, Quận 5 bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) được số tiền 2.000.000 đồng và tiêu xài hết. Đến khoảng 18h00' cùng ngày, bà X phát hiện bị mất trộm xe máy nên đến Công an phường trình báo sự việc.

* Vật chứng thu giữ được:

1. Thu giữ của anh Văn Anh Hoàng N: 01(một) USB màu xanh hiệu Kingstar 2GB chứa file ghi hình ảnh các bị can thực hiện hành vi đột nhập vào nhà anh N trộm cắp tài sản (lưu giữ trong hồ sơ); 01 (một) bóp giả da màu đen, có chữ NGHĨA; 01 (một) túi xách giả da, màu nâu, có hoa văn; 01 (một) ổ khóa màu vàng; 07 (bảy) cái đoạn bằng kim loại dùng để mở khóa; 07 (bảy) dụng cụ có hình chìa khóa bằng kim loại dùng để mở khóa; 01 (một) bóp giả da màu đen.

2. Thu giữ của Lê Hoàng Thế A: 01 (một) két sắt hiệu Daysafe màu xám, cửa màu đồng, cửa két bị tháo rời (tại Kết luận định giá tài sản số 581/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 19/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản

trong Tổ tụng hình sự cấp thành phố kết luận như sau: Từ chối định giá đối với tài sản thẩm định là Kết sắt hiệu Daysafe do không xác định các thông số kỹ thuật của tài sản nên không đủ cơ sở để tiến hành định giá theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 8, Chương II của Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/03/2005 của Chính phủ về Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự); 01 (một) cây xà beng bằng kim loại dài khoảng 60cm (thu giữ tại nhà của Nguyễn Văn Nhất T); 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số: 59P2-314.49, số máy: G3D4E-184738; số khung: RLCUG0610FY171878. Qua xác minh được biết: xe mô tô biển số 59P2-314.49 do bà Nguyễn Thị Hằng O (mẹ của bị can Thế A) đứng tên sở hữu. Bà O mua trả góp chiếc xe mô tô vào tháng 5/2016. Ngày 10/6/2016, bà O giao chiếc xe này cho Thế A làm phương tiện đi lại. Bà O không biết sự việc Thế A dùng xe này làm phương tiện cùng đồng bọn trộm cắp tài sản.

3. Thu giữ của Lê Quốc B: 01 (một) kim cộng lực dài khoảng 60 cm; 01 (một) mỏ-lết dài khoảng 30 cm; 01 (một) thanh sắt hình chữ L dài khoảng 20 cm; 01 (một) kim hiệu MEINFA, dài khoảng 16cm, cán màu đỏ; 02 (hai) thân đoạn hình chữ L; 05 (năm) đầu đoạn, một đầu hình lục giác, một đầu có hình dẹt; 13 (mười ba) dụng cụ bằng kim loại dùng để mở ổ khóa; 01 (một) tuýp sắt dài khoảng 15 cm; 01 (một) ổ khóa có số VM16228, màu vàng; 01 (một) ổ khóa có chữ EXTRA, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động Samsung, số Imei: 358068/05/406527/6; 01 (một) điện thoại Nokia, số Imei: 354308/03/116049/1.

*** Vật chứng vụ thứ 3:**

- 01 (một) ổ khóa Solex màu vàng và 04 chìa khóa màu trắng (do bà Vân giao nộp).

- 01(một) xe mô tô Honda Air Blade, biển số 51L6-4850, số máy 5VT136259, số khung VYA-J5VT14YA-036259 (thu giữ của B). Qua xác minh được biết: xe mô tô trên có biển số 59D1-564.37, do bà Đặng Thị Á là chủ sở hữu. Ngày 19/7/2016, Công an quận Tân Phú đã trả lại cho bà Á (bút lục 721). Riêng biển số xe 51L6-4850, qua xác minh được biết là của xe mô tô có số máy 008280-FMHA, số khung 61007850-CX do Nguyễn Thanh Á (ngụ: 126/26 B, Phường L, Quận 8) đứng tên chủ sở hữu. Bà Thanh Á khai đã bán xe mô tô biển số 51L6-4850 cho người khác bằng giấy tay (không rõ lai lịch người mua) nên không biết về biển số xe 51L6-4850 (bút lục 757). Cơ quan CSĐT đã ra thông báo tìm người mua xe này để ghi lời khai làm rõ nhưng đến nay chưa có kết quả.

Tại Kết luận định giá tài sản số 175/HĐĐGTS-TTHS ngày 01/7/2016 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự quận Tân Phú kết luận: Tại thời điểm ngày 29/5/2016: 01 (một) xe hai bánh gắn máy hiệu Honda Airblade, biển số 59D1-564.37 màu trắng - đỏ - đen (số khung: DY-524522, số máy: 46E-4048542) do Việt Nam sản xuất, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 80%. Trị giá 30.000.000 đồng (bút lục 705).

*** Vật chứng vụ thứ 5:**

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SDH125T màu đen, biển số 54P2-2714 (không thu hồi được). Tại kết luận định giá tài sản số 175/HĐĐGTS-TTHS ngày 01/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Tân Phú kết luận: Tại thời điểm ngày 16/6/2016: 01 (một) xe hai bánh gắn máy hiệu Honda SDH125T, biển số 54P2-2741, màu đen, số khung: N0741055647, số máy: B-41016175, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%. Trị giá: 5.000.000 đồng (bút lục 705).

Tại Cơ quan điều tra, các bị hại gồm: chị Nguyễn Thị Cẩm Q (vụ thứ 1), anh Phạm Hiệp H (vụ thứ 2), bà Đặng Thị Á (vụ thứ 3), bà Bùi Thị Kim K (vụ thứ 4) và bà Nguyễn Thị Xuân X (vụ thứ 5) đã khai bị trộm cắp tài sản phù hợp với lời khai của B và vật chứng thu giữ trong vụ án. Do vậy, đủ cơ sở xác định B đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Về dân sự: anh Văn Anh Hoàng N yêu cầu bồi thường số tiền 2.555.000.000 đồng (bút lục 479). Hiện B đã khắc phục 90.000.000 đồng, Thế A trả lại 24 lượng vàng SJC được chia trong vụ án. Riêng bị can T và V chưa bồi thường.

Các bị hại trong 05 vụ án mà bị cáo B thực hiện yêu cầu như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Q yêu cầu bồi thường 4.000.0000 đồng.
2. Ông Phạm Hiệp H yêu cầu bồi thường số tiền 5.909.0000 đồng.
3. Bà Đặng Thị Á có đơn yêu cầu bồi thường 8.000.0000 đồng.
4. Bà Bùi Thị Kim K có đơn không yêu cầu bồi thường.
5. Bà Nguyễn Thị Xuân X yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 275/CT-VKS-P2 ngày 03/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a Khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như vai trò của từng bị cáo trong vụ án và đề nghị xử phạt các bị cáo:

+Lê Quốc B mức án tù 18 năm đến 20 năm tù; tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù tại bản án số ngày của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+Lê Hoàng Thế A từ 14 năm đến 16 năm tù.

+Nguyễn Văn Nhất T từ 16 năm đến 18 năm tù.

+Đặng Ngọc V từ 16 năm đến 18 năm tù.

Ngoài ra, còn đề nghị về trách nhiệm dân sự của các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật

Bào chữa cho các bị cáo, các luật sư thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt nên không tranh luận. Các luật sư chỉ phân tích về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ cũng như vai trò của các bị cáo trong vụ án để đề nghị giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần hình phạt dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cụ thể:

Luật sư bào chữa cho bị cáo B chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo có sự phân công nhưng phạm tội không có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; đã khắc phục một phần thiệt hại về tài sản và tại phiên tòa tự nguyện bồi thường phần còn lại cho người bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Thế A đề nghị xem xét bị cáo phạm tội với vai trò cảnh giới, thành khẩn khai báo tích cực giúp Cơ quan điều tra nhanh chóng phá án và đã giao nộp toàn bộ số tiền hưởng lợi để khắc phục cho người bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị xem xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ về kinh tế, phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo và tại phiên tòa tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại về tài sản cho người bị hại.

Các bị cáo B, Thế A, T và V không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại Văn Anh Hoàng N đề nghị xét xử nghiêm đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và người bị hại.

XÉT THẤY

Do bị cáo Đặng Ngọc V bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có mức cao nhất của khung hình phạt là chung thân nhưng bị cáo không có người bào chữa nên theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; của Quốc hội hướng dẫn thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Tòa án đã yêu cầu Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh cử luật sư Nguyễn

Văn Tài bào chữa chỉ định cho bị cáo V. Tại phiên tòa, bị cáo V từ chối luật sư bào chữa để tự mình thực hiện quyền bào chữa là quyền tự định đoạt, quyết định của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 50 và 57 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

Sau khi kiểm sát viên đọc bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung đính chính lại số liệu do công chưa đúng về số tiền tổng giá trị tài sản chiếm đoạt trong vụ bị cáo Lê Quốc B cùng đồng phạm thực hiện tại phần kết luận của cáo trạng, là phù hợp: với quy định tại Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự; với hành vi khách quan của các bị cáo, các kết luận định giá tài sản đã viện dẫn trong phần nội dung, không làm thay đổi bản chất của vụ án và các bị cáo đồng ý không có ý kiến; nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm, nội dung phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; cụ thể các bị cáo khai nhận:

Do không có nghề nghiệp, muốn có tiền tiêu xài và chơi bắn cá nên bị cáo Lê Quốc B đã tìm kiếm địa điểm, chuẩn bị công cụ phạm tội (đoản và dụng cụ mở, phá khóa cửa) rồi rủ rê cùng các bị cáo Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V cùng nhau lợi dụng sự chủ sở hữu đi vắng nhà, sơ hở trong việc quản lý tài sản để các bị cáo Thế A và V đứng ngoài canh giới, còn bị cáo B dùng đoản và dụng cụ mở khóa mang theo phá, mở khóa cửa cổng rồi cùng bị cáo T đột nhập vào nhà 781/13/14 L, Phường Z, quận Tân Bình lén lút bí mật chiếm đoạt của anh Văn Anh Hoàng N 01 két sắt hiệu Daysafe màu xám (kích thước khoảng 50cm x 50cm x 50cm), bên trong có: 96 lượng vàng SJC (95 lượng vàng SJC loại 01 lượng/01 miếng, 01 miếng vàng 05 chỉ, 02 miếng vàng 02 chỉ và 01 miếng vàng 01 chỉ), 20.000.000 đồng (loại tiền mệnh giá 500.000 đồng), khoảng 1.000.000 đồng (loại tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng), 08 tờ 02 USD, một số vàng nữ trang và một số giấy tờ.

Sau khi cả bọn cùng kiểm đếm tài sản trộm cắp được và thỏa thuận chia đều cho 04 người: V, T, Thế A được chia mỗi người 24 lượng vàng SJC, 5.250.000 đồng và 02 tờ 02 USD; B được chia 24 lượng vàng SJC và 1 miếng vàng 2 chỉ, 5.250.000 đồng và 02 tờ 02 USD. Nhưng do nhầm lẫn nên thực tế T chỉ lấy 23,6 lượng vàng SJC (do có 04 chỉ vàng bị chia nhầm cho B 02 chỉ và 02 chỉ còn lại lẫn vào số vàng nữ trang).

Số vàng nữ trang giao cho V giữ để bán lấy tiền chia nhau sau. Đến ngày 11/6/2016, B và V bán số vàng nữ trang cho một người không rõ lai lịch tại Quận 8 được 6.000.000 đồng, chia đều cho V, T và B mỗi người hai triệu đồng, còn Thế A không được chia. Riêng số giấy tờ B đã rút bỏ nhưng không nhớ rút ở đâu.

Ngoài ra, bị cáo Lê Quốc B trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 6/2016, còn một mình chuẩn bị công cụ phạm tội (dụng cụ phá, mở khóa cửa, đoán phá khóa xe máy) đi tìm kiếm nhà khóa cửa, vắng chủ nhà để phá khóa cửa đột nhập vào nhà lén lút, bí mật thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn các phường B, C và I của quận Tân Phú mang bán cho các đối tượng không rõ lai lịch lấy tiền tiêu xài; cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng ngày 18/4/2016, B dùng mỏ lết mang theo bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào phòng trọ số 2 nhà 86/32 J, phường I, quận Tân Phú của chị Nguyễn Thị Cẩm Q chiếm đoạt một laptop hiệu Dell Vostro 3400-DV4-021.

Vụ thứ 2: Vào trưa ngày 25/4/2016, B dùng mỏ-lết mang theo bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào trong phòng trọ số 7 nhà 1/8B D, phường B, Tân Phú của ông Phạm Hiệp H chiếm đoạt 01 tivi màn hình phẳng hiệu Samsung Led 32inch.

Vụ thứ 3: Khoảng 14h00' ngày 29/5/2016, B dùng mỏ-lết mang theo bẻ khoen cửa, đột nhập vào nhà số 25/18/11/14 M, phường I, quận Tân Phú của bà Đặng Thị Â, dùng đoạn bẻ ổ khóa công tắc của xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 59D1-564.37 để chiếm đoạt chiếc xe (bên trong cốp xe có 8.000.000 đồng).

Vụ thứ 4: Vào một ngày của tháng 5/2016, B dùng mỏ lết bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào phòng trọ C7 nhà số 118/33 H, phường B, quận Tân Phú của bà Bùi Thị Kim K chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng) trong tủ quần áo.

Vụ thứ 5: Khoảng 11h00' ngày 16/6/2016, B dùng mỏ lết bẻ gãy khoen cửa, đột nhập vào trong nhà số 263/14A Q, phường C, quận Tân Phú của bà Nguyễn Thị Xuân X chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Honda SDH125T màu đen biển số 54P2-2714.

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo Lê Quốc B, Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với nhau; phù hợp với: các biên bản tiếp nhận tin báo - tố giác tội phạm, biên bản nhận dạng, biên bản tạm giữ tài liệu - đồ vật, biên bản ghi lời khai (của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án.

Theo các bản kết luận định giá tài sản số 581/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 19/01/2017 và số 2914/ STC-HĐĐGTS-BVG ngày 14/01/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố (bút lục 268-269; 274-275) và kết luận định giá tài sản số 212/HĐĐGTS-TTHS ngày 10/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Tân Bình, có cơ sở xác định: Tổng giá trị tài sản các bị cáo Lê Quốc B, Hoàng

Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V đã chiếm đoạt của anh Văn Anh Hoàng N trị giá 3.349.843.680đ (ba tỷ, ba trăm bốn chín triệu, tám trăm bốn ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

Tài sản bị cáo Lê Quốc B đã một mình chiếm đoạt trong 05 vụ trộm cắp tài sản của người bị hại Nguyễn Thị Cẩm Q, Phạm Hiệp H, Đặng Thị Á, Bùi Thị Kim K và Nguyễn Thị Xuân X tại địa bàn tại các phường I, B và C của quận Tân Phú, theo bản kết luận định giá tài sản số 175/HĐĐGTS-TTHS ngày 01/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Tân Phú (bút lục 705), có cơ sở xác định: Tổng giá trị tài sản trị giá 50.500.000đ (năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi của các bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo B, Thế A, T và V là thanh niên có sức khỏe nhưng lười lao động, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính vẫn cố ý phạm tội.

Trong vụ án, các bị cáo B, Thế A, T và V phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, có sự bàn bạc, phân công nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo B giữ vai trò chính, là người chuẩn bị công cụ phạm tội rủ rê đồng phạm tham gia và trực tiếp cùng bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; bị cáo Thế A là người rủ rê các bị cáo T và V; các bị cáo Thế A, T và V còn là người giúp sức tích cực với vai trò là người canh giới, mang tài sản chiếm đoạt được đi cất dấu hay tiêu thụ để cùng hưởng lợi như nhau. Khi lượng hình sẽ cân nhắc tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét, các bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V đồng phạm thực hiện vụ chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 3.349.843.680 đồng, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu trở lên. Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Riêng bị cáo Lê Quốc B là đối tượng không nghề nghiệp, đã nhiều lần bị Tòa xét xử về các tội về chiếm đoạt tài sản, muốn có tiền tiêu xài lại

lại việc phạm tội làm người thu nhập chsinh. Chỉ trong khoảng thời gian từ tháng 4/2014 đến tháng 6/2016, ngoài vụ cùng các bị cáo Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V thực hiện còn một mình thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị 50.500.000 đồng. Trong đó, có 05 vụ chiếm đoạt tài sản, mỗi vụ đều có trị giá trên 2.000.000 đồng, có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị xử lý; nên theo quy định tại Mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Bảo thuộc trường hợp “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và về nhân thân đã có 01 tiền án về tội do cố ý chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm”. Đây là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B theo quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Do đó về hình phạt, cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Xét, theo điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; của Quốc hội hướng dẫn thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 quy định “Các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, xóa bỏ một tội phạm, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ 00’ ngày 01/7/2016 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử ...”

Theo đó hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V thực hiện vào ngày 10/6/2016, có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, có khung hình phạt (phạt tù từ 12 năm đến 20 năm) nhẹ hơn so với khung hình phạt (phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân) theo quy định tại Khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, khi quyết định về hình phạt có xem xét các quy định có lợi đối với các bị cáo.

Xét, các bị cáo B, Thế A, T và V đều có nhân thân xấu, đều từng phạm tội bị xét xử, các bị cáo Thế A và V còn bị xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc; đều đã được giáo dục, răn đe nhưng vẫn không coi đó là bài học để sửa chữa thành người có ích cho xã hội vẫn sống lang thang, lêu lổng rồi tụ tập, rủ rê nhau lao vào con đường phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật; nên cần lưu ý khi quyết định hình phạt.

Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra cần có một thời gian đủ dài cách ly xã hội mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục từng bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: tính chất, mức độ tham gia tội phạm của bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, cũng phần nào tỏ ra ăn năn hối cải; riêng bị cáo Thế A tài sản được hưởng lợi đã thu hồi gần như toàn bộ để trao trả cho người bị hại; để giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo B, trước khi phạm tội trong vụ án này còn thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 09/9/2016, đã bị xét xử còn phải chấp hành hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 72/2017/HSST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực pháp luật). Nên, cần tổng hợp hình phạt chung theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+Về hình phạt bổ sung: các bị cáo B, Thế A, T và V phạm tội để thu lợi bất chính đặc biệt lớn nên cần áp dụng khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), buộc mỗi bị cáo nộp phạt một số tiền nhất định sung quỹ Nhà nước.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo không phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức”, là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai, ăn năn hối cải”; là phù hợp với quy định của pháp luật như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo B và Thế A đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự vì các bị cáo đã giao nộp lại tài sản để bồi thường, khắc phục thiệt hại về tài sản cho người bị hại là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, với quy định của pháp luật nên không có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ qua điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản các bị cáo B và Thế A cất dấu do hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt trái phép của người bị hại chứ không phải bản thân hay gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục thiệt hại về tài sản cho anh Văn Anh Hoàng N.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố và đề nghị xử phạt mức phạt tù có thời hạn đối với từng bị cáo là có cơ sở pháp luật; phù

hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân các bị cáo nên được chấp nhận.

+Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tài sản các bị cáo B, Thế A, T và V chiếm đoạt của người bị hại đã mang bán cho các đối tượng không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được để trao trả lại cho người bị hại.

Tại phiên tòa, giữa người bị hại Văn Anh Hoàng N và bị cáo B, Thế A, T, V đã thỏa thuận: các bị cáo B, Thế A, T và V có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh N số tiền là 2.451.280.000đ (hai tỷ, bốn trăm năm một triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng), theo mức cụ thể như sau:

Tổng giá trị thiệt hại về tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh Văn Anh Hoàng N là 3.349.843.000 đồng, các bị cáo có trách nhiệm liên đới (mỗi người $\frac{1}{4}$) nên mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 837.460.000 đồng. Trong đó: bị cáo Thế A đã hoàn trả 24 lượng vàng SJC tương đương số tiền 808.560.000 đồng nên có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền 28.900.000 đồng và bị cáo B đã hoàn trả 90.000.000 đồng nên có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền là 747.460.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Lê Quốc B tự nguyện đồng ý có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của người bị hại và theo trị giá tài sản được xác định tại bản kết luận định giá tài sản cho người bị hại Nguyễn Thị Cẩm Q, Phạm Hiệp H, bà Đặng Thị Á và bà Nguyễn Thị Xuân X (vắng mặt tại phiên tòa), theo mức cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm Q là 4.000.0000 đồng.
2. Anh Phạm Hiệp H là 5.909.0000 đồng.
3. Bà Đặng Thị Á là 8.000.0000 đồng.
4. Bà Nguyễn Thị Xuân X là 5.000.000 đồng.

Tổng cộng: bị cáo Lê Quốc B có trách nhiệm bồi thường là 770.369.000 đồng

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Xét sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, mức và phương thức bồi thường phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 357 và

Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại nên ghi nhận.

Riêng đối với người bị hại Bùi Thị Kim K, giai đoạn điều tra có đơn không yêu cầu bồi thường và tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt; nên không đặt vấn đề để xem xét giải quyết.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, xét:

+ 01 (một) điện thoại di động Samsung, số Imei: 358068/05/406527/6 và 01 (một) điện thoại Nokia, số Imei: 354308/03/116049/1 (thu giữ của bị cáo B). Là phương tiện liên lạc dùng rủ rê đồng phạm phạm tội và tiêu thụ tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+01(một) USB màu xanh hiệu Kingstar 2GB chứa file ghi hình ảnh các bị can thực hiện hành vi đột nhập vào nhà anh N trộm cắp tài sản (do anh Văn Anh Hoàng N giao nộp), là tài liệu, chứng cứ vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ.

+01 (một) bóp giả da màu đen, có chữ NGHĨA; 01 (một) túi xách giả da, màu nâu, có hoa văn; 01 (một) ổ khóa màu vàng; 07 (bảy) cái đoạn bằng kim loại dùng để mở khóa; 07 (bảy) dụng cụ có hình chìa khóa bằng kim loại dùng để mở khóa; 01 (một) bóp giả da màu đen (do anh N giao nộp).

+01 (một) kết sắt hiệu Daysafe màu xám, cửa màu đồng, cửa kết bị tháo rời (của anh N không nhận lại); 01 (một) cây xà beng bằng kim loại dài khoảng 60cm (thu giữ tại nhà của Nguyễn Văn Nhất T)

+01 (một) kìm cộng lực dài khoảng 60 cm; 01 (một) mỏ-lết dài khoảng 30 cm; 01 (một) thanh sắt hình chữ L dài khoảng 20 cm; 01 (một) kìm hiệu MEINFA, dài khoảng 16cm, cán màu đỏ; 02 (hai) thân đoạn hình chữ L; 05 (năm) đầu đoạn, một đầu hình lục giác, một đầu có hình đục; 13 (mười ba) dụng cụ bằng kim loại dùng để mở ổ khóa; 01 (một) tuýp sắt dài khoảng 15 cm; 01 (một) ổ khóa có số VM16228, màu vàng; 01 (một) ổ khóa có chữ EXTRA, màu trắng - Thu giữ của bị cáo Lê Quốc B:

+01 (một) ổ khóa Solex màu vàng và 04 chìa khóa màu trắng (do bà A giao nộp).

Toàn bộ đồ vật nêu trên là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng phạm tội, đồ vật hư hỏng của người bị hại giao nộp không có yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+Đối với 01 biển số 51L6-4850, qua xác minh được biết là của xe mô tô có số máy 008280-FMHA, số khung 61007850-CX do Nguyễn Thanh A (ngụ: 126/26 B, Phường 5, Quận 8) đứng tên chủ sở hữu. Bà A khai đã bán xe mô tô biển số 51L6-4850 cho người khác bằng giấy tay (không rõ lai lịch người mua) nên không biết về biển số xe 51L6-4850 (bút lục 757). Cơ quan

CSĐT đã ra thông báo tìm người mua xe nhưng đến nay không có người liên hệ giải quyết nên tịch thu tiêu hủy.

+01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số: 59P2-314.49, số máy: G3D4E-184738; số khung: RLCUG0610FY171878. Qua xác minh là tài sản hợp pháp bà Nguyễn Thị Hằng O (mẹ của bị cáo Thế A) đứng tên sở hữu và không biết sự việc bị cáo Thế A dùng xe làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho bà O.

+Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phí dân sự sơ thẩm sơ theo mức có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho người bị hại theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với bà Nguyễn Thị Hằng O (mẹ ruột Thế A) không biết 24 lượng vàng SJC do Thế A trộm cắp mang về cất giấu tại nhà (bút lục 548). Do vậy, Cơ quan điều tra không đưa vào diện xử lý về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp quy định của pháp luật.

Hồ Thị Thu Ng (bạn gái B): trước khi xảy ra vụ trộm cắp, Ng cùng B có dừng xe trước nhà số 781/13/14 L, phường Z Quận Tân Bình nhưng Ng không biết được ý định của B và cũng không biết B đã cùng đồng bọn thực hiện hành vi trộm cắp tại căn nhà trên (bút lục 502) nên không có cơ sở xử lý Ng về tội “Không tố giác tội phạm”.

Đối với Lê Quốc C (anh ruột của bị can B): tại cơ quan điều tra, C khai trong tháng 6/2016 (không nhớ rõ ngày) B có gửi số tiền 90.000.000 đồng nhờ giữ dùm và không biết số tiền này do B bán tài sản trộm cắp mà có. Khi Cơ quan điều tra mời làm việc, C đã giao nộp lại số tiền trên (bút lục 517, 519). Do vậy, không có cơ sở xử lý C về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Riêng việc B, T và V khai sử dụng tài sản trộm cắp được vào việc chơi game bắn cá ăn thua bằng tiền tại các tiệm game “Sky”, “Thủy Long Cung”, “Phụng Hoàng Lửa”, “Tân Thế Kỷ”, “Dũng”, “Đại Đại Tài” và “Vũ Thành Đạt”. Tuy nhiên, qua điều tra, các chủ tiệm game này khai tiệm không ăn thua bằng tiền mà bán thẻ hoặc nạp điểm cho khách hàng chơi game, nếu khách hàng thắng cuộc sẽ được thưởng thẻ/điểm để chơi tiếp hoặc được thưởng quà (bánh kẹo, đồ chơi, gấu bông....) (bút lục 556-572). Do đó, không đủ cơ sở để xử lý đối với các chủ tiệm game bắn cá nêu trên và B, T, V về hành vi “Đánh bạc”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Quốc B (tên gọi khác: B Nhóc; B Thái Tử), Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T (tên gọi khác: T Bi; S) và Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 138; các điểm b, g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 và Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc B 20 (hai mươi) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 72/2017/HSST ngày 09/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Lê Quốc B chấp hành hình phạt chung là 21 (hai một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2016.-

+Áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng Thế A 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 12/6/2016.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Nhất T (tên gọi khác: T Bi; S) 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 01/10/2016.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc V (tên gọi khác: V Tướng) 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 14/10/2016.

+Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Buộc Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V; mỗi bị cáo nộp phạt 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa người bị hại Văn Anh Hoàng N và các bị cáo về việc: các bị cáo Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh N số tiền là 2.451.280.000đ (hai tỷ, bốn trăm năm một triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng), theo mức cụ thể như sau:

- Các bị cáo Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 837.460.000đ (tám trăm ba bảy triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Lê Quốc B có trách nhiệm bồi thường 747.460.000đ (bảy trăm bốn bảy triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bị cáo Lê Hoàng Thế A bồi thường 28.900.000đ (hai tám triệu, chín trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Quốc B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của người bị hại Nguyễn Thị Cẩm Q, Phạm Hiệp H, bà Đặng Thị Á và bà Nguyễn Thị Xuân X (vắng mặt tại phiên tòa), theo mức cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Cẩm Q là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

- Bồi thường cho anh Phạm Hiệp H là 5.909.000đ (năm triệu, chín trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Đặng Thị Á là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Xuân X là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

*Tổng cộng: bị cáo Lê Quốc B có trách nhiệm bồi thường là 770.369.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng);

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

+Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu lưu hồ sơ 01(một) USB màu xanh hiệu Kingstar 2GB chứa file ghi hình ảnh các bị can thực hiện hành vi đột nhập vào nhà anh N trộm cắp tài sản (thu giữ của anh Văn Anh Hoàng N).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Samsung, số Imei: 358068/05/406527/6 (vỡ vỏ) và 01 (một) điện thoại Nokia, số Imei: 354308/03/116049/1.

- Tịch thu tiêu hủy:

*01 (một) bóp giả da màu đen có chữ NGHĨA; 01(một) bóp giả da màu đen; 01 (một) túi xách giả da màu nâu, có hoa văn; 01 (một) ổ khóa màu vàng; 07 (bảy) cái đoạn bằng kim loại dùng để mở khóa; 07 (bảy) dụng cụ có hình chìa khóa bằng kim loại dùng để mở khóa.

*01 (một) két sắt hiệu Daysafe màu xám, cửa màu đồng, cửa két bị tháo rời; 01 (một) cây xà beng bằng kim loại dài khoảng 80cm;

*01 (một) kìm cộng lực dài khoảng 60 cm; 01 (một) mỏ-lết dài khoảng 30 cm; 01 (một) thanh sắt hình chữ L dài khoảng 20 cm; 01 (một) kìm dài khoảng 16 cm, cán màu đỏ; 01 (một) thân đoạn hình chữ L; 05 (năm) đầu đoạn, một đầu hình lục giác, một đầu có hình dẹt; 13 (mười ba) dụng cụ bằng kim loại dùng để mở ổ khóa; 01 (một) tuýp sắt dài khoảng 15 cm; 01 (một) ổ khóa có số VM16228, màu vàng; 01 (một) ổ khóa có chữ EXTRA, màu trắng.

*01 (một) ổ khóa Solex màu vàng và 04 chìa khóa màu trắng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hằng O 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 59P2-314.49, số máy: G3D4E-184738; số khung: RLCUG0610FY171878.

(Biên bản giao nhận tang tài vật số 289/17 ngày 06/7/2017 của Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

+Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc Lê Quốc B, Lê Hoàng Thế A, Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Hoàng V, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Quốc B phải chịu là 34.814.700đ (ba mươi tư triệu, tám trăm mười bốn nghìn, bảy trăm đồng); bị cáo Lê Hoàng Thế A phải chịu là 1.445.500đ (một triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); các bị cáo Nguyễn Văn Nhất T và Đặng Ngọc V, mỗi bị cáo phải chịu là 37.128.800đ (ba mươi bảy triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi xuất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (8)
- Bị cáo; (4)
- Người bị hại (7)
- Luật sư (3)
- THA HS; (4)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (46) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh